

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1986 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trịnh Văn S trình bày: Anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào ngày 11/6/2020, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh BG. Anh, chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị Hoà về nhà anh làm dâu ngay, anh chị sống chung tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc, đến tháng 6/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh và

chị Hoà đã ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị H không có con chung, nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2023, bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn S kết hôn với nhau vào ngày 11/6/2020, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh BG. Anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị về làm dâu ngay nhà anh Trịnh Văn S, anh chị sống chung tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc, đến tháng 10/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Trịnh Văn S có mối quan hệ tình cảm với người con gái khác là chị Thái Thị H (vợ cũ của anh Trịnh Văn S) từ tháng 10/2020. Chị và anh Trịnh Văn S đã ly thân từ tháng 12/2022. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Trịnh Văn S nên chị hoàn toàn đồng ý ly hôn với anh Trịnh Văn S.

Về con chung: Chị và anh Trịnh Văn S không có con chung, nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trịnh Văn S và chị Lê Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Sơn, chị Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn S: Cho anh Trịnh Văn S được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà anh Trịnh Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0015176 ngày 15 tháng 02 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trịnh Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H. Hiện nay chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Phố Luông, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trịnh Văn S và bị đơn là chị Lê Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn S và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/2020. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của anh Trịnh Văn S, vợ chồng anh chị chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị Lê Thị H cũng xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Trịnh Văn S có quan hệ tình cảm với người con gái khác là vợ cũ anh Trịnh Văn S. Nay anh Sơn xin ly hôn thì chị cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn với anh Trịnh Văn S. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Trịnh Văn S và chị Lê Thị H mâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài từ cuối năm 2020 đến nay cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trịnh Văn S: Cho anh Trịnh Văn S được ly hôn với chị Lê Thị H.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh Trịnh Văn S và chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì anh Trịnh Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí anh Trịnh Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0015176 ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn S: Cho anh Trịnh Văn S được ly hôn với chị Lê Thị H.

2/ Về án phí: Anh Trịnh Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh Trịnh Văn S đã nộp theo Biên lai thu số 0015176 ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế